

Số: 139 /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 12 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
- Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về ban hành một số quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc Quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

c) Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc Quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ NNMT);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Phú Thọ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Phú Thọ;
- Trung tâm TTCB (Công TTĐT tỉnh) đăng tải;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, NN2 (ĐDH).



Phan Trọng Tấn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: 139/2025/QĐ-UBND)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định chi tiết thi hành điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 6 Điều 65; khoản 4 Điều 77; điểm c khoản 5 Điều 81 và khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 64 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Việc quy định chi tiết các điều, khoản, điểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Khuyến khích tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;

b) Lộ trình thực hiện đối với cơ sở đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường;

c) Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa;

d) Quy định thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại;

e) Quy định về quản lý chất thải nhựa.

4. Những nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có liên quan đến các nội dung bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 1 Quy định này.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư Dự án thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý nước thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn đầu tư, thuế, phí và lệ phí gồm:

a) Hỗ trợ về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, năng lượng) sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp nhà nước không bố trí được quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, chủ đầu tư dự án được hưởng chính sách như hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau: Vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm;

c) Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 4. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường đã đi vào hoạt động trước ngày 12 tháng 8 năm 2025 không đảm bảo về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt là QCVN 01:2021/BXD) và QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người (sau đây gọi tắt là QCVN 01:2025/BTNMT) thực hiện theo một trong các phương án như sau:

a) Di dời đến vùng khác đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo QCVN 01:2025/BTNMT;

b) Châm dứt hoạt động;

c) Chuyển đổi sang ngành nghề không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2035.

4. Trong quá trình thực hiện lộ trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động vẫn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước cấp.

Điều 5. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa

1. Quy định điều kiện kỹ thuật xác định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm như sau:

a) Khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm có quy mô đáp ứng duy trì hoạt động ổn định, an toàn, tuân thủ các quy định của luật pháp có liên quan, không tạo ra các xung đột về lợi ích và môi trường;

b) Khu vực, địa điểm đổ thải phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan của Trung ương và địa phương; được xem xét trên cơ sở các điều kiện về địa chất, thủy văn, không làm cản trở dòng chảy và thoát lũ, không nằm ở vị trí đầu nguồn nước, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được cấp phép trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định về khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét được thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Điều 6. Quy định thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

1. Đối với đường trong đô thị: Thời gian hoạt động từ 9 giờ đến 16 giờ và từ 20 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

2. Đối với đường ngoài đô thị: Không giới hạn thời gian vận chuyển.

Điều 7. Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

1. Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại.

a) Các cơ sở y tế hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có Giấy phép môi trường, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để thu gom, vận chuyển;

b) Các cơ sở y tế tự vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của mình hoặc hợp đồng với Bệnh viện, Trung tâm Y tế (mô hình cụm) trong phạm vi xã, phường, khu vực lân cận để vận chuyển về lưu giữ, xử lý theo quy định;

c) Việc chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT và lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

d) Thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của chủ nguồn thải, Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế phải đáp ứng quy định tại Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

a) Cơ sở y tế ký hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại;

b) Cơ sở y tế ký hợp đồng với Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế để chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại cho cụm (phạm vi địa bàn xã, phường lân cận);

c) Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại được tự xử lý chất thải y tế nguy hại và được xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế trong phạm vi địa bàn các xã, phường lân cận khi công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn dư công suất và tình trạng thiết bị, công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn tốt, vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và có giấy phép môi trường theo quy định;

d) Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại tham gia xử lý cho cơ sở y tế lân cận phải xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trong hồ sơ, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (gồm: Địa điểm, mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại; Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại; Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại).

Điều 8. Quy định về quản lý chất thải nhựa

1. Khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; khuyến khích nghiên cứu, hạn chế việc sử dụng nước uống đóng chai sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất có sử dụng nhựa PE, PP trong các bao bì quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 77 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, phải sử dụng tối thiểu 20% nhựa tái chế trong các bao bì nêu trên kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028; phải sử dụng tối thiểu 30% nhựa tái chế trong các bao bì nêu trên kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2030.

3. Giảm phát thải nhựa trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ

a) Tổ chức, cá nhân không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần (trừ sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam), bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni-lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói hoặc chứa đựng thực phẩm) và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch (trừ các sản phẩm, hàng hóa đóng gói sẵn bằng bao bì nhựa khó phân hủy của nhà sản xuất) theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Chợ, cửa hàng tiện lợi không cung cấp miễn phí túi ni-lông khó phân hủy sinh học kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026; tổ chức, cá nhân bán hàng trực tuyến có trách nhiệm giảm thiểu sử dụng bao bì nhựa, vật liệu chống sốc bằng nhựa hoặc thu hồi các bao bì nhựa, vật liệu chống sốc không để thất thoát ra môi trường;

c) Chợ, cửa hàng tiện lợi không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni-lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm), trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2028.

4. Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sinh hoạt

a) Các cơ quan, đơn vị nhà nước ở địa phương không sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần (trừ sản phẩm được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam), bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni-lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm);

b) Tổ chức, cá nhân không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni-lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) để chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn và quy định này; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân liên quan theo kế hoạch và theo chỉ đạo của cấp có

thẩm quyền; kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, đơn vị khác; giải quyết kiến nghị phản ánh về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát khu vực, điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị xây dựng xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra công tác thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét từ vùng nước đường thủy nội địa của tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí (nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn đầu tư) cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi ngoài khu công nghiệp theo quy định pháp luật về đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư, mở rộng đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi ngoài khu công nghiệp;

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật;

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường;

đ) Hướng dẫn tổ chức đấu thầu tập trung để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp

a) Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải của các doanh nghiệp, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp;

c) Chủ trì đề xuất thu hút đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các Khu công nghiệp do Nhà nước làm chủ đầu tư đến thời điểm quy định này có hiệu lực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì đề xuất thu hút đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các Cụm công nghiệp do Nhà nước làm chủ đầu tư đến thời điểm quy định này có hiệu lực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung;

b) Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp phải đầu tư hoàn toàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các cụm công nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng tiện lợi thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát các nội dung về bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường tích hợp, lồng ghép vào môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường phù hợp với lớp học, cấp học bảo đảm hiệu quả, thiết thực;

c) Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường phù hợp với lứa tuổi học sinh ở từng cấp học.

7. Sở Nội vụ

a) Hàng năm theo lĩnh vực quản lý, chỉ đạo các cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường;

b) Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát chương trình, nội dung, thời lượng giảng dạy và biên tập tài liệu, hướng dẫn giáo dục về vệ sinh môi trường lồng ghép vào môn học hoặc hoạt động ngoại khóa phù hợp với khóa học bảo đảm các biện pháp tuyên truyền, giáo dục dưới các hình thức trực quan, sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường công tác tuyên truyền thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; tuyên truyền biểu dương các điển hình tiên tiến, lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông khác;

b) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các địa điểm du lịch, các cửa ngõ ra vào tỉnh và ở trung tâm các xã, phường;

c) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi ni-lông tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng;

d) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện xây dựng hương ước, quy ước có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường;

đ) Chỉ đạo các khách sạn, khu du lịch thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

9. Sở Y tế

a) Chủ trì, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường tại các bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý chất thải y tế theo Quy định này và quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm trong hồ sơ cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

10. Sở Tư pháp

a) Thực hiện lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình kế hoạch giáo dục, phổ biến pháp luật hàng năm;

b) Phối hợp tham gia rà soát, thẩm định ban hành các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác bảo vệ môi trường,

đặc biệt là lĩnh vực tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo thẩm quyền; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn.

12. Công an tỉnh

Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường và đổ trộm chất thải.

13. Thanh tra tỉnh

Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh; thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án lớn, có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh.

14. Báo và Phát thanh, truyền hình Phú Thọ

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan thường xuyên cập nhật, đưa tin về các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động quản lý rác thải trên địa bàn; đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Trang thông tin Báo và Phát thanh, Truyền hình Phú Thọ;

c) Khuyến khích thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

15. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo xây dựng chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ. Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện quy định về bảo vệ môi trường tại địa phương.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Rà soát đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu vực, điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

5. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, đề xuất lộ trình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

7. Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường địa bàn quản lý và đánh giá, kết quả triển khai thực hiện Quy định này gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường; chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom rác thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với thực hiện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thường xuyên giám sát, phản biện về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.